**TOÀ ÁN NHÂN DÂN**
**HUYỆN N**
**TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:**30**/2018/HS-ST
Ngày: 05 – 4 – 2018

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH ĐỒNG NAI**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:*ÔngDương Hữu Chí.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Hoài Đ Huệ;

Ông Nguyễn Kim Vinh.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Thị Hằng–Thư ký Tòa án nhân dân huyện N.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa:***
ÔngTrương Kim Quyết – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 4năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 28/2018/TLST-HS ngày 15 tháng 3 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:26/2018/QĐXXST-HS ngày19tháng3 năm 2018đối với các bị cáo:

1. TVĐ, sinh ngày21 tháng 9 năm 1997tại tỉnh G.

Nơi đăng ký HKTT: ấp P, xã A, huyện M, tỉnh G; Nơi tạm trú: ấp 5, xã T, huyện N, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ văn hoá (học vấn): Lớp 5/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ôngTVG (chết)và bàHTD; Bị cáo chưa có vợ vàcon; Tiền án: Không,tiền sự: Không; Nhân thân tốt; bị bắt tạm giam ngày 15/11/2017, đến ngày 20/11/2017 được tại ngoại điều tra(có mặt).

2. TVQA, sinh ngày 19 tháng 6 năm 1995 tại tỉnh An Giang.

Nơi đăng ký HKTT: ấp MP, xã A, huyện M, tỉnh G; Nơi tạm trú: ấp 5, xã T, huyện N, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hoá (học vấn): Lớp 5/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ôngTVG (chết) và bàHTD; Bị cáo chưa có vợ vàcon; Tiền án: Ngày 31/8/2016bị Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh An Giang xử phạt 18 tháng tù về tội: "Cố ý gây thương tích", chấp hành xong hình phạt tù ngày 03/7/2017 và đã nộp xong số tiền 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.; Tiền sự: Không; Bị bắt tạm giam ngày 15/11/2017 (có mặt).

- *Bị hại:*Anh CĐC, sinh năm 1977.

Nơi cư trú: ấp 2, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

Chị Đ, sinh năm 1993.

Nơi cư trú: ấp L, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

Anh P, sinh năm 1993.

Nơi cư trú: ấp 2, xã T, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

Chị C, sinh năm 1989.

Nơi cư trú: ấp 1, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

Chị P, sinh năm 1972.

Nơi cư trú: ấp G, xã A, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

Chị C, sinh năm 1983.

Nơi cư trú: ấp N, xã Đ, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

(Anh C, anh Pcó mặt;

Chị P, chị Đ, chị C,chị Chi vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

TVĐ là công nhân của Công ty Eclat thuộc khu công nghiệp 2, huyện N, tỉnh Đồng Nai. Do Đ có mượn tiền của anh CĐC(là công nhân cùng làm chung Công ty) và Đ có đưa thẻ ATM Vietcombank của Đ cho anh C giữ nên Đ biết anh CĐC đang giữ nhiều thẻ ATM Vietcombank của nhiều người công nhân trong công ty và trên thẻ ATM có ghi mật khẩu của chủ thẻ nên Đ nảy sinh ý định trộm cắp số thẻ ATM do anh C đang giữ để rút tiền trả nợ và tiêu xài.

Vào khoảng 18 giờ ngày 09/11/2017, TVĐ điều khiển xe mô tô biển kiểm soát số 67L1-897.02 đi đến phòng trọ thuộc ấp 5, xã Long Thọ, huyện N rủ TVQA (là anh ruột của Đ) đi đến bãi giữ xe của Công ty Eclat thuộc Khu công nghiệp 2, huyện N trộm cắp thẻ ATM của các công nhân do anh C đang giữ để rút tiền tiêu xài, A đồng ý. Sau đó, A điều khiển xe mô tô biển kiểm soát số 67L1-897.02 chở Đ đi đến Công ty Eclat. A dừng xe bên ngoài cảnh giới còn Đ đi bộ đến hàng rào rồi trèo vào bên trong bãi giữ xe của Công ty. Đ quan sát thấy không có người nên Đ đi đến xe mô tô biển kiểm soát số 93F1-030.18 của CĐC, rồi dùng tay móc vào cốp xe lấy trộm 01 cái bóp, bên trong có 01 giấy phép lái xe mô tô hạng A1, 01 chứng minh nhân, 02 thẻ Techcombank mang tên anh CĐC, 07 thẻ ATM Vietcombank gồm các thẻ của TVĐ, chị P, chị C, anh P, chị Đ, chị B và của chị C. Sau đó, Đ trèo hàng rào ra ngoài, A điều khiển xe mô tô chở Đ đi đến trụ ATM của ngân hàng Vietcombank đặt trước Cổng của Công

ty Texhong thuộc Khu công nghiệp 5, huyện N. Đ nói A vào rút tiền nhưng do A không biết quy trình rút tiền nên Đ đi vào rút tiền trong thẻ ATM của Đ số tiền 4.600.000 đồng; rút thẻ ATM của chị P số tiền 6.900.000 đồng, của chị C số tiền 5.900.000 đồng, của anh P số tiền 5.300.000 đồng, của chị Đ 6.000.000 đồng và của chị C số tiền 6.450.000 đồng. Tổng cộng Đ chiếm đoạt số tiền 35.200.000 đồng, còn lại 3 thẻ ATM Đ không rút tiền. Sau đó Đ, A đi về phòng trọ thuộc ấp 5, xã T, huyện N, Đ chia cho A số tiền 6.000.000 đồng đã tiêu xài hết, còn lại số tiền 29.200.000 đồng Đ lấy để sử dụng tiêu xài. Đến ngày 14/11/2017, TVĐ đến Công an huyện N đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội của mình và TVQA. Qua làm việc với TVQA đã khai nhận cùng với TVĐ trộm cắp tài sản như đã nêu trên.

Tang vật thu giữ:

- 09 thẻ ATM (gồm 02 thẻ Techcombank mang tên anh CĐC, 01 thẻ Vietcombank của TVĐ, 01 thẻ ATM của chị P, 01 thẻ ATM của chị C, 01 thẻ ATM của anh P, 01 thẻ ATM của chị Đ, 01 thẻ ATM của chị B và 01 thẻ ATM của chị C), 01 giấy phép lái xe và 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên CĐC không thu hồi được do đã bị Đ đốt cháy.

- 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên TVĐ;

- Số tiền 13.400.000 đồng của TVĐ giao nộp;

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave biển kiểm soát số: 67L1- 891.02, màu sơn Trắng, đen, bạc, số máy: HC 2B7306860, số khung 1252FY306927 của TVĐ.

Sau khi vụ việc xảy ra TVĐ đã bồi thường cho anh CĐC số tiền 10.000.000 đồng.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa,các bị cáo TVĐ, TVQAđã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội theo tội danh mà Viện kiểm sát truy tố. Các bị cáo không tranh luận với bản luận tội của Viện kiểm sát và nói lời nói sau cùng xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức án cho các bị cáo.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện N, tỉnh Đồng Nai, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai, Kiểm sát viên trong giai đoạn điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự và tại phiên tòa hôm nay bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đên vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của các Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụngnên các hành vi, quyết định tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về trách nhiệm hình sự: Tại phiên tòa các bị cáo TVĐ, TVQA đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình, phù hợp với lời khai người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án cùng các tài liệu chứng cứ khác thu thập tại hồ sơ vụ án. Cho thấy: Do muốn có tiền tiêu xài, TVĐ đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản của anh CĐC nên vào khoảng 18 giờ ngày 09/11/2017 Đ điều khiển xe mô tô biển kiểm soát số 67L1-897.02 đi đến phòng trọ thuộc ấp 5, xã Long Thọ, huyện N rủ TVQA (là anh ruột của Đ) đến bãi giữ xe của Công ty Eclat thuộc Khu công nghiệp 2, huyện N trộm cắp thẻ ATM của các công nhân do anh C đang giữ và đượcA đồng ý. Sau đó, A điều khiển xe mô tô biển kiểm soát số 67L1-897.02 chở Đ đi đến Công ty Eclat. A dừng xe bên ngoài cảnh giới còn Đ đi bộ đến hàng rào rồi trèo vào bên trong bãi giữ xe của Công ty. Đ quan sát thấy không có người nên Đ đi đến xe mô tô biển kiểm soát số 93F1-030.18 của CĐC rồi dùng tay móc vào cốp xe lấy trộm 01 cái bóp, bên trong có 01 giấy phép lái xe mô tô hạng A1, 01 chứng minh nhân, 02 thẻ Techcombank mang tên anh CĐC, 07 thẻ ATM Vietcombank gồm các thẻ của TVĐ, chị P, chị C, anh P, chị Đ, chị Bvà của chị C. Sau đó, Đ trèo hàng rào ra ngoài, A điều khiển xe mô tô chở Đ đi đến trụ ATM của ngân hàng Vietcombank đặt trước Cổng của Công ty Texhong thuộc Khu công nghiệp 5, huyện N. Tại đây Đ đã rút tiền trong thẻ ATM của Đ số tiền 4.600.000 đồng; rút thẻ ATM của chị P số tiền 6.900.000 đồng, của chị C số tiền 5.900.000 đồng, của anh P số tiền 5.300.000 đồng, của chị Đ 6.000.000 đồng và của chị C số tiền 6.450.000 đồng,còn lại 3 thẻ ATM Đ không rút tiền. Tổng cộng Đ chiếm đoạt số tiền 35.200.000 đồng, Đ chia choA số tiền 6.000.000 đồng (đã tiêu xài hết), còn lại số tiền 29.200.000 đồng Đ lấy để tiêu xài cá nhân. Như vậy có đủ căn cứ kết luận hành vi của các bị cáo TVĐ, TVQA đã phạm vào tội "Trộm cắp tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sựnăm 1999.Tuy nhiên theo tinh thần Nghị quyết số 41/2017/QH 14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về thi hành Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 áp dụng các quy định có lợi cho người phạm tội, tại phiên tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát truy tố bị cáo TVĐ, TVQA theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) là phù hợp tinh thần Nghị quyết số 41. Do đó, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện N truy tố là có căn cứ nên Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

[3] Về tính chất mức độ của hành vi phạm tội và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

* Đối với bị cáo TVĐ:

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa,bị cáo Đđã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, đã khắc phục bồi thường hậu quả phù hợp quy định tại điểmb, i, s khoản 1; khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

Tính chất, mức độ của hành vi: Tội phạm bị cáo Đ thực hiện làít nghiêm trọng nhưng hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo là người chủ

mưu, rủ rê bị cáo khác, tích cực phạm tội, thực hiện hành vi với lỗi cố ý, trực tiếp xâm phạm đến tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất an ninh trật tự, gây hoang mang trong nội bộ quần chúng nhân dân. Nghĩcần xét xử mức án nghiêm tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo,cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội và cũng để răn đe, phòng ngừa chung. Tuy nhiên xét cho bị cáo phạm tội lần đầu,đầu thú, có nhân thân tốt, không tiền án, tiền sự, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã bồi thường khắc phục một phần hậu quả nên cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo khi quyết định hình phạt, thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật hình sự.Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị xử phạt TVĐtừ18 đến 20 tháng tù, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận.

* Đối với bị cáo TVQA:

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Tái phạm theo điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa,bị cáo Ađã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải phù hợp quy định tại điểmb, s khoản 1Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

Tính chất, mức độ của hành vi: Tội phạm bị cáo A thực hiệntuyít nghiêm trọng nhưng hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo là người bị rủ rê, là anh ruột của bị cáo Đ, bị cáo có tiền án chưa được xóa án tích lẽ ra cần phải tu dưỡng bản thân, can gián bị cáo Đ nhưng bị cáo lại tích cực giúp sức chở bị cáo Đ đi, cảnh giới để bị cáo Đ thực hiện trót lọt hành vi phạm tội,gián tiếp xâm phạm đến tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ. Nghĩcần xét xử mức án nghiêmngang bằng với hành vi của bị cáo Đ, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội và cũng để răn đe, phòng ngừa chung. Tuy nhiên xét cho bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo khi quyết định hình phạt, thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật hình sự.Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nđề nghị xử phạt bị cáo TVQAngang bằng bị cáo TVĐ với mức hình phạt từ 18đến 20 tháng tù, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

Tại phiên tòa anh C xác định đã nhận lại đầy đủ số tiền mà các bị cáo đã trộm cắp, nhưng có yêu cầu buộc bị cáo Đ phải trả lại cho anh C số tiền 4.600.000 đồng mà anh C đã đền cho bị cáo Đ sau khi xảy ra vụ việc, 1.300.000 đồng tiền chi phí anh Cđưa cho bị cáo Đ để làm lại giấy phép lái xe của Đ và 3.000.000 đồng chi phí để anh C làm lại giấy chứng nhận quyền sở hữu chiếc xe Honda cùng giấy chứng minh nhân dân của anh C (đã bị Đ đốt). Tổng cộng 8.900.000 đồng, bị cáo Đ đồng ý một mình bồi thường cho anh C số tiền trên nên cần ghi nhận và buộc bồi thường là phù hợp quy định của pháp luật.

Theo các biên bản lấy lời khai tại Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện N, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án chị P, chị Đ, chị C,chị C và tại phiên tòa hôm nay anh P xác định đã nhận lại đầy đủ số tiền có trong tài khoản của mình do anh C trả, không có yêu cầu gì đối với các bị cáo nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về xử lý vật chứng:

Chiếc xe môtô nhãn hiệu Honda, loại Wavebiển kiểm soát số: 67L1-891.02, màu sơn Trắng-đen-bạc, số máy HC 2B7306860, số khung 1252FY306927 của TVĐ do bị cáo Đ sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung Ngân sách Nhà nước là phù hợp.

Đối với số tiền 13.400.000 đồng là của anh CĐC nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện N đã trả lại cho anh C là đúng quy định pháp luật.

Đối với 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên TVĐ do không liên quan đến vụ án nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện N đã trả lại cho Đ là đúng quy định pháp luật.

[6] Về án phí sơ thẩm: Các bị cáo TVĐ, TVQA phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Riêng bị cáo Đ còn phải chịu án phí Dân sự sơ thẩmtheo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên:*

## QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo TVĐ, TVQA phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụngkhoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017); điểm b, i, s khoản 1; khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo **TVĐ– 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù**.

Áp dụng Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, bắt giam bị cáo TVĐ tại phiên tòa.

Áp dụngkhoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017); điểm b, s khoản 1; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo **TVQA – 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù,** thời hạn tù tính từ ngày 15/11/2017.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017), Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave biển kiểm soát số: 67L1- 891.02, màu sơn Trắng, đen, bạc, số máy: HC 2B7306860, số khung 1252FY306927 của TVĐ.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo TVĐphải bồi thường cho anh CĐC tổng số tiền 8.900.000 đồng.

Áp dụng Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử buộc:

- Bị cáoTVĐ phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 445.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm.

- Bị cáo TVQA phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho các bị cáo,người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quanđến vụ ánanh Pđược quyền kháng cáo Bản ántrong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án chị P, chị Đ, chị C,chị C được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án./.

**Nơi nhận:**
- Các bị cáo;
- Người bị hại ;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- VKS,THA,CAH;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai ;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Đã ký**

**Dương Hữu Chí**